

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 424/2022/HC-PT

Ngày 10 - 6 - 2022

V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 và 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 03/2022/TLPT-HC ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2021/HC-ST ngày 4 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 866/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Dương Văn T, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn 5, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 118 Đường N, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố V.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Vũ T – Chủ tịch (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Thanh P và ông Trần Quang H - Chuyên viên Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bộ tư lệnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T - Chức vụ: Trợ lý pháp chế; Địa chỉ: Xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân thành phố V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:**

Năm 2007, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố V thu hồi 20.991,8m² đất của ông Dương Văn T để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Căn cứ Hải quân, nhưng không bồi thường, hỗ trợ đối với 20.991,8m² đất cho ông T, vì vậy ông T khiếu nại yêu cầu bồi thường, hỗ trợ đất trên.

Đến ngày 18/4/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 959/QĐ-UBND có nội dung công nhận một phần khiếu nại của ông T, để bồi thường, hỗ trợ bổ sung 20.991,8m² đất cho ông T theo quy định pháp luật (Gọi tắt là Quyết định số 959).

Ngày 31/12/2019, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 7308/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) cho ông Dương Văn T, thuộc công trình Căn cứ Hải Quân tại xã L, thành phố V (Gọi tắt là Quyết định 7308) có nội dung giá đất bồi thường căn cứ theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 33/2018/QĐ UBND ngày 21/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đến ngày 16/6/2020, UBND thành phố V mới trả tiền cho ông T.

Không đồng ý, ông T khiếu nại, ngày 19/8/2020 Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số: 4081/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Dương Văn T (Gọi tắt là Quyết định 4081), bác khiếu nại của ông T, vì vậy ông T khởi kiện tại Tòa án.

Cơ sở pháp luật của yêu cầu khởi kiện:

Quyết định số 7308 là trái pháp luật, cụ thể như sau:

Về thẩm quyền: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ...” và điểm a khoản 2 Điều 66 Luật đất đai năm 2013 quy định thẩm quyền thu hồi đất như sau:

“2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây:

a) Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư;”.

Theo quy định trên, thì chỉ UBND thành phố V mới có thẩm quyền ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất cho ông T. Vì vậy, Quyết định số 7308 do Chủ tịch UBND thành phố V ban hành là trái pháp luật nên phải bị hủy bỏ.

- Về nội dung: Quyết định số 7308 chỉ bồi thường cho ông T theo giá đất nông nghiệp tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 (Gọi tắt là Quyết định số 33) và không hỗ trợ về đất cho ông T là không đúng theo quy định của pháp luật, bởi lẽ:

Thứ nhất: Trường hợp bồi thường, hỗ trợ cho ông T theo giá đất hiện nay và chính sách đất đai tại thời điểm thu hồi đất:

- Về giá đất bồi thường: Phải bồi thường cho ông T theo giá đất quy định bảng giá đất định kỳ 5 năm (01/01/2020 - 31/12/2024) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số: 38/2014/QĐ-UBND ngày 20-12-2019 (Gọi tắt là Quyết định số 38).

Ngày 18/4/2019 Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 959, nhưng mãi đến ngày 31-12-2019 (08 tháng sau) Chủ tịch UBND thành phố V ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) cho ông T và đến ngày 16-6-2020 (hơn 06 tháng sau) UBND thành phố V mới chi trả tiền.

Quyết định số 7308 của UBND thành phố V ban hành vào ngày 31-12-2019 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo giá đất tại Quyết định số 33, ngày 31-12-2019 là ngày có hiệu lực cuối cùng của Quyết định số 33).

Trong khi đó, ngày 20-12-2019 UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã có Quyết định số 38 quy định bảng giá đất định kỳ 05 năm (01/01/2020 - 31/12/2024) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, quy định Bảng giá đất mới có hiệu lực ngày 01-01-2020, tức sau 01 ngày khi Quyết định số 7308 của Chủ tịch UBND thành phố V ban hành.

Vì vậy, Quyết định số 7308 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) trước mấy tiếng đồng hồ giá đất mới có hiệu lực pháp luật, chứng tỏ UBND thành phố V biết chưa có tiền chi trả cho ông T, nhưng vẫn ban hành quyết định để không phải chi trả tiền theo giá đất mới là có biểu hiện “chạy giá đất”, làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

Trước khi Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định 7308, thì ông T đã nhiều lần làm đơn yêu cầu UBND thành phố V ban hành Quyết định phê duyệt, hỗ trợ bổ sung theo quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đến tháng 12-2019, thì cán bộ UBND thành phố V mới trả lời chưa có tiền để chi trả do nguồn tiền từ Hải Quân Vùng II, đề nghị ông T liên hiện với Hải Quân vùng II để biết có tiền hay chưa thì UBND thành phố V sẽ ban hành quyết định phê duyệt, hỗ trợ bổ sung cho ông T. Do đó, ông T đã liên hệ với Bộ tư lệnh Hải Quân vùng II đóng tại xã L, thành phố V, thì được ông Tuyên, cấp bậc Đại tá, chức vụ Phó Tư lệnh Hải Quân vùng II - Phụ trách Tài chính trả lời: “Hiện nay chưa có nguồn tiền để chi trả cho dân vì hồ sơ dự án đã đóng lại, nên Bộ tư lệnh vùng II phải xin kinh phí từ Bộ tư lệnh Hải quân và Bộ tư lệnh Hải quân phải xin Bộ Quốc phòng cấp kinh phí nên chưa có tiền và thời gian như vậy còn rất lâu”. Tuy nhiên đến ngày 31-12-2019, Chủ tịch UBND TP

Vũng Tàu lại ban hành Quyết định số 7308. Chứng tỏ tại thời điểm ban hành quyết định số 7308 thì UBND thành phố V biết rõ đã có giá đất mới và biết chưa có nguồn tiền chi trả cho ông T, nhưng vẫn cố tình ban hành quyết định để không phải chi trả theo giá đất mới chỉ còn mấy giờ nữa là có hiệu lực pháp luật, đây là biểu hiện của việc “chạy giá đất”, làm thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

- Về hỗ trợ thu hồi đất nông nghiệp: Trên diện tích đất nông nghiệp thu hồi của ông T có căn nhà cấp 4, nằm xen kẽ trong khu dân cư, đủ điều kiện được hỗ trợ theo mức bằng tiền bằng 30% giá đất ở liền kề đối với diện tích 1.500m² theo quy định tại Điều 2 Quy định một số chính sách cụ thể về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 71/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Thứ hai: Trường hợp bồi thường, hỗ trợ cho ông T theo giá đất hiện nay và chính sách đất đai tại thời điểm chi trả bồi thường, hỗ trợ bổ sung.

- Về giá đất bồi thường: Phải bồi thường theo giá đất cụ thể theo quy định tại khoản 2 điều 74 Luật đất đai 2013.

- Về hỗ trợ thu hồi đất nông nghiệp: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm bằng 1,5 giá đất nông nghiệp theo Bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Việc bồi thường chậm cho ông T là lỗi thuộc UBND thành phố V. Căn cứ khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP thì UBND thành phố V phải có trách nhiệm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ nào có lợi nhất cho ông T trong hai phương án nêu trên.

Bởi các lẽ trên, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên hủy Quyết định số 7308 và hủy Quyết định số 4081;

- Tuyên buộc Ủy ban nhân dân thành phố V phải bồi thường, hỗ trợ diện tích 20.991,8m² đất theo tính toán phương án nào có lợi nhất cho ông T trong hai phương án sau đây:

- + Nếu bồi thường, hỗ trợ cho ông T theo giá đất hiện nay và chính sách đất đai tại thời điểm thu hồi đất thì phải bồi thường và hỗ trợ (bằng tiền bằng 30% giá đất ở liền kề) theo giá đất quy định tại Bảng giá đất của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung.

- + Nếu bồi thường, hỗ trợ cho ông T theo giá đất hiện nay và chính sách đất đai tại thời điểm chi trả bồi thường, hỗ trợ bổ sung thì phải bồi thường theo giá đất cụ thể và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm bằng 1,5 giá đất nông nghiệp theo Bảng giá đất của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung.

Ngày 02/7/2021 ông T nộp đơn sửa đổi nội dung khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên hủy Quyết định số 7308/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) cho ông Dương Văn T, thuộc công trình Căn cứ Hải quân tại xã L, thành phố V.

- Hủy Quyết định số 4081/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Dương Văn T.

- Tuyên buộc Ủy ban nhân dân thành phố V phải bồi thường, hỗ trợ diện tích 20.991,8m² đất cho ông T theo luật đất đai năm 2013;

- + Tuyên buộc Ủy ban nhân dân thành phố V phải bồi thường diện tích 20.991,8m² đất cho ông T theo giá đất cụ thể quy định tại khoản 2 Điều 74 luật đất đai năm 2013;

- + Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm bằng 1,5 giá đất nông nghiệp theo Bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung.

**** Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, Ủy ban nhân dân thành phố V, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trình bày:***

Thực hiện Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết đơn khiếu nại lần hai của ông Dương Văn T với nội dung:

- + Thu hồi hủy bỏ Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 07/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết đơn của ông Dương Văn T, ngụ tại Thôn 5, xã L, thành phố V.

- + Công nhận đơn khiếu nại của ông Dương Văn T về việc yêu cầu bồi thường, hỗ trợ bổ sung diện tích 20.991,8m² đất theo quy định của Pháp luật và giao UBND thành phố V phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ bổ sung đối với diện tích 20.991,8m² đất nông nghiệp cho hộ ông Dương Văn T theo quy định của Pháp luật.

Tại mục IV kết quả đối thoại của Quyết định này có nêu:

“Thực hiện chỉ đạo của UBND Tỉnh tại Văn bản số 681/TB-UBND ngày 28/11/2018 về việc giải quyết khiếu nại của 04 hộ dân; ngày 06/12/2018, Thanh tra Tỉnh tổ chức cuộc họp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố V để họp bàn thống nhất về phương án bồi thường, hỗ trợ về đất cho các hộ dân. Tại buổi họp, sau khi thảo luận, các thành viên tham dự cuộc họp thống nhất quan điểm giải quyết theo hướng: Áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ tại thời điểm thu hồi đất và áp giá đất tại thời điểm ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung theo bảng giá đất của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu...”

Ngày 21/8/2019, Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố V họp xét duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho 03 hộ dân thuộc công trình: Căn cứ Hải Quân tại xã L (trong đó có hộ ông Dương Văn T) theo đó đã áp giá bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của Ủy ban nhân dân Tỉnh và chính sách bồi thường tại thời điểm thu hồi đất năm 2007.

Từ cơ sở trên ngày 31/12/2019, UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 7308/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ (bổ sung) cho ông Dương Văn T là đúng quy định, đồng thời ngày 19/8/2020 Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 4081/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông T với nội dung: bác đơn khiếu nại của ông Dương Văn T yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố V phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) theo Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Từ cơ sở trên, đề nghị Tòa án bác đơn yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T và giữ nguyên nội dung Quyết định 7308 và Quyết định số 4081 của Chủ tịch UBND thành phố V.

**** Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bộ tư lệnh Hải quân (Bộ tư lệnh vùng 2 Hải Quân) có người đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Công trình Căn cứ Hải quân tại xã L, thành phố V thu hồi đất của người dân đã được thực hiện đền bù hỗ trợ về đất từ những năm 2007, 2008 nên nguồn vốn cho công trình đã được tất toán, không còn nguồn vốn cho công tác đền bù, hỗ trợ về đất thu hồi. Sau này phát sinh việc đền bù hỗ trợ về đất - phải qua rất nhiều thủ tục, nhiều cấp, phải được Bộ Quốc phòng chấp nhận, nên việc chi trả tiền cho người dân bị chậm, không biết khi nào được phê duyệt và có tiền, nên không thể tính toán được số tiền chậm trả cho người dân. Đồng thời cần phải xem xét lại cơ quan nào hiện nay phải chi trả khoản tiền này, vì công trình hiện nay đã hoàn thành.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2021/HC-ST ngày 4 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, quyết định:

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng: Khoản 4 Điều 44, Khoản 1 Điều 46 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 18 Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03-10-2012 của Chính phủ;

Khoản 2 Điều 74, Khoản 3 và điểm d Khoản 4 Điều 114 Luật đất đai năm 2013; Điểm a khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Khoản 1 Điều 25 Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31-10-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T:

- Hủy Quyết định số 7308/QĐ-UBND ngày 31-12-2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) cho ông Dương Văn T thuộc công trình Căn cứ Hải quân tại xã L, thành phố V và Hủy Quyết định số 4081/QĐ-UBND ngày 19-8-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Dương Văn T.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V thực hiện nhiệm vụ công vụ ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất đã thu hồi 20.991,8m² thuộc công trình Căn cứ Hải quân tại xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho ông Dương Văn T theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/11/2021, Chủ tịch UBND thành phố V kháng cáo bản án sơ thẩm và đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm số 49/2021/HC-ST ngày 04/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, theo hướng: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T; Giữ nguyên quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố V và Chủ tịch UBND thành phố V (Quyết định số 7308/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 và Quyết định số 4081/QĐ-UBND ngày 19/8/2020). Sửa nội dung về nộp án phí sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bị kiện vắng mặt và không có văn bản rút yêu cầu kháng cáo.

- Người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện cho rằng bản án sơ thẩm tuyên xử là có căn cứ vì thế đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Luật tổ tụng hành chính.

Về nội dung: Quyết định 7308 căn cứ khoản 3 Điều 34 Nghị định 47/2014/NĐ-CP để bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 20.991,8m² đất của ông T là không đúng với quy định nêu trên, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 4081 bác nội dung khiếu nại của ông Dương Văn T là không có căn cứ. Vì thế Tòa án nhân dân thành phố V chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T, hủy Quyết định 7308 và hủy Quyết định 4081; Buộc UBND thành phố V phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất đã thu hồi cho ông Dương Văn T theo quy định pháp luật là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của UBND thành phố V làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp quy định của pháp luật nên đủ điều kiện được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Người đại diện theo pháp luật của UBND thành phố V và Chủ tịch UBND thành phố V có đơn xin xét xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố V và Chủ tịch UBND thành phố V được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015 xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của Quyết định số 7308/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ (bổ sung) cho ông Dương Văn T thuộc công trình Căn cứ Hải quân tại xã L, thành phố V (gọi tắt là: Quyết định số 7308) và Quyết định số 4081/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Dương Văn T (gọi tắt là Quyết định số 4081).

[2.1] Về thẩm quyền ban hành các văn bản bị kiện:

Đối với Quyết định số 7308: UBND thành phố V là cơ quan thu hồi 50.991,8m² đất (trong đó có 20.991,8m² chưa bồi thường) của hộ ông Dương Văn T là đúng thẩm quyền. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013 thì: “*Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư...*”. Do UBND thành phố V thu hồi đất nhưng Chủ tịch UBND thành phố V lại ban hành quyết định số 7308 để phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông T nên Quyết định số 7308 được xác định là ban hành không đúng thẩm quyền.

Đối với Quyết định số 4081: Chủ tịch UBND thành phố V ban hành quyết định này là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 203 Luật đất đai, Điều 18 Luật khiếu nại số 02/2011/QH13.

[2.2] Về trình tự, thủ tục, thời hiệu, thời hạn và hình thức ban hành của các văn bản bị kiện:

- Đối với Quyết định số 7308: Sau khi Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quyết định số 959/QĐ-UBND vào ngày 18/4/2019 về giải quyết đơn khiếu nại của ông T với nội dung cơ bản là công nhận khiếu nại của ông T về yêu cầu bồi thường, hỗ trợ bổ sung diện tích 20.911,8m² đất theo quy định của pháp luật và giao UBND thành phố V phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ bổ sung đối với diện tích 20.991,8m² đất nông nghiệp cho hộ ông Dương Văn T theo quy định của Pháp luật. Vào ngày 21/8/2019, Hội đồng bồi thường,

hỗ trợ và tái định cư thành phố V họp xét duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho 03 hộ dân thuộc công trình: Căn cứ Hải Quân tại xã L (trong đó có hộ ông Dương Văn T). Trên cơ sở đó, vào ngày 31/12/2019, UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 7308/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ (bổ sung) cho ông Dương Văn T. Ngày 16/6/2020, UBND thành phố V thực hiện chi trả tiền cho ông T. Xét thấy, mặc dù diện tích đất 20.991,8m² ông T đã bị thu hồi từ ngày 26/11/2007, theo Quyết định thu hồi đất số 5253/QĐ-UBND, nhưng phần đất này chưa được bồi thường theo bất kỳ văn bản nào. Nên, sau khi Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu ban hành Quyết định số 959/QĐ-UBND vào ngày 18/4/2019 với nội dung cơ bản là công nhận khiếu nại của ông T, đến ngày 31/12/2019 UBND thành phố V mới ban hành Quyết định số 7308/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ (bổ sung) và đến ngày 16/6/2020 UBND thành phố V mới thực hiện chi trả tiền cho ông T mà không thực hiện các thủ tục như mời ông T tham gia họp xét duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với 20.991,8m²; sau khi ban hành Quyết định số 7308 cũng không thực hiện niêm yết công khai và giao quyết định này cho ông T trong thời hạn 05 ngày làm việc là không đúng trình tự, thủ tục và thời hạn ban hành, theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và không đúng với Điều 17 Quyết định số 34/2015 ngày 25/8/2015 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Đối với Quyết định số 4081: trên cơ sở đơn khiếu nại đề ngày 06/4/2020 của ông T về khiếu nại đối với Quyết định số 7308. Sau khi nhận đơn khiếu nại, ngày 28/5/2020 Thanh tra thành phố V tiến hành làm việc với ông T, ngày 08/7/2020 Thanh tra thành phố tiến hành thông báo kết quả xác minh nội dung đơn khiếu nại và tiến hành đối thoại với ông T. Tại buổi đối thoại, ông T giữ nguyên yêu cầu khiếu nại. Ngày 19/8/2020, UBND thành phố ban hành Quyết định số 4081. Như vậy, Quyết định số 4081 cơ bản là phù hợp quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, hình thức theo quy định tại các điều 29, 30 và 31 của Luật khiếu nại. Tuy nhiên, về thời hạn giải quyết đơn khiếu nại từ ngày nhận đơn 06/4/2020 đến khi ban hành quyết định 19/8/2020 là vi phạm quy định về thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu theo quy định tại Điều 28 của Luật khiếu nại.

[2.3] Về nội dung của các văn bản bị kiện:

- Đối với Quyết định số 7308: UBND thành phố V đã căn cứ vào quyết định giải quyết khiếu nại số 959/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của UBND tỉnh về giải quyết khiếu nại của ông Dương Văn T để phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) cho ông T là phù hợp. Hội đồng xét xử xét thấy, và thời điểm năm 2007 khi bị thu hồi 50.991,8m² đất thì cơ quan có thẩm quyền chưa có chính sách bồi thường, hỗ trợ cho ông T đối với 20.991,8m² mà chỉ đến khi có Quyết định giải quyết khiếu nại số 959 ngày 18/4/2019, UBND tỉnh giao cho UBND thành phố phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông T theo quy định của pháp luật thì diện tích đất 20.991,8m² của ông T mới được xem xét

bồi thường, hỗ trợ. Nên, trường hợp của ông T được áp dụng quy định của Luật đất đai năm 2013 để bồi thường, hỗ trợ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013 quy định: “2. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền **theo giá đất cụ thể** của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất.”. Điểm c khoản 1 Điều 112 của Luật đất đai năm 2013 thì một trong những nguyên tắc, phương pháp định giá đất là phải “*Phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường của loại đất có cùng mục đích sử dụng....*”. Khoản 4 Điều 114 Luật đất đai năm 2013 cũng quy định giá đất cụ thể được sử dụng để làm căn cứ trong trường hợp tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Vì vậy, ông T phải được bồi thường theo giá đất cụ thể (giá đất theo thị trường) chứ không phải giá đất theo bảng giá đất định kỳ 05 năm theo Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 19/12/2015 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu như UBND thành phố V đã áp dụng.

Về việc hỗ trợ khi bị thu hồi đất, ông T là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp -nuôi trồng thủy sản trên đất bị thu hồi; theo khoản 1 Điều 25 Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh BR-VT ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm như sau: “1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 1, Điều 19, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP... khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Hỗ trợ bằng tiền đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương, mức hỗ trợ bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp theo Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm thu hồi đất.”. Do đó, ông T thuộc trường hợp phải được hỗ trợ theo quy định trên.

Hội đồng xét xử thấy rằng, những vi phạm trên của Quyết định số 7308 là làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T nên cần thiết phải hủy để buộc Ủy ban nhân dân thành phố V thực hiện nhiệm vụ công vụ ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất đã thu hồi 20.991,8m² thuộc công trình Căn cứ Hải quân tại xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho ông Dương Văn T theo quy định pháp luật.

- Đối với quyết định số 4081: Như đã phân tích ở trên, do Quyết định 7308 được ban hành không đúng nên việc Chủ tịch UBND thành phố V ban hành quyết định số 4081 để giải quyết khiếu nại của ông T, với nội dung giữ nguyên Quyết định số 7308 cũng là không đúng.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Kháng cáo của UBND thành phố V không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng

Tàu.

[4] Án phí hành chính sơ thẩm: UBND thành phố V phải chịu và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V mỗi đương sự phải chịu 300.000đ.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo của UBND thành phố V không được chấp nhận nên đương sự này phải chịu 300.000 đồng.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Bác kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố V; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2021/HC-ST ngày 4 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Áp dụng: khoản 2 Điều 74, khoản 3 và điểm đ khoản 4 Điều 114 của Luật đất đai năm 2013; Điểm a khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 25 Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31-10-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T:

- Hủy Quyết định số 7308/QĐ-UBND ngày 31-12-2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) cho ông Dương Văn T thuộc công trình Căn cứ Hải quân tại xã L, thành phố V và Hủy Quyết định số 4081/QĐ-UBND ngày 19-8-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Dương Văn T.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V thực hiện nhiệm vụ công vụ ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất đã thu hồi 20.991,8m² thuộc công trình Căn cứ Hải quân tại xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho ông Dương Văn T theo quy định pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Dương Văn T không phải chịu, hoàn trả cho ông Dương Văn T số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008253 ngày 26-01-2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Ủy ban nhân dân thành phố V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V mỗi đương sự phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

3. Án phí hành chính phúc thẩm: UBND thành phố V phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí do UBND thành phố V đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000083 ngày 08/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (1)
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (1)
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (1)
- Đường sự; (3)
- Lưu VT (6), HS (2) T.16 (BA 36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Long